

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành chương trình đào tạo
ngành Ngôn ngữ Trung Quốc Trường Đại học Thành Đông

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THÀNH ĐÔNG

Căn cứ Quyết định số 1489/QĐ-TTg ngày 17 tháng 9 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Thành Đông;

Căn cứ Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành hoặc chuyển ngành đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quy chế số 60/QC-ĐHTĐ ngày 19/3/2021 của Chủ tịch Hội đồng trường Trường Đại học Thành Đông về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Thành Đông;

Theo đề nghị của Trường phòng Quản lý đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Trung Quốc trình độ đại học của Trường Đại học Thành Đông (Chương trình đào tạo kèm theo).

Điều 2. Chương trình đào tạo được áp dụng từ năm học 2021 - 2022 tại Trường Đại học Thành Đông.

Điều 3. Trường Khoa Ngôn ngữ Trung Quốc, Trường phòng Quản lý đào tạo, thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- BGH;
- Lưu: VT, QLĐT.



HIỆU TRƯỞNG

PGS, TS. Lê Văn Hùng

CHƯƠNG TRÌNH KHUNG ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC
NGÀNH NGÔN NGỮ TRUNG QUỐC (Theo hệ thống tín chỉ)

(Ban hành kèm theo quyết định số: 30... /QĐ-ĐHTĐ ngày 22 tháng 03 năm 2021 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Thành Đông)

STT	Mã MH	Học phần	Đại học				Môn tiên quyết/Mã MH	Ghi chú	
			TC	Số tiết					Kỳ
				LT	TH/ BT/ TL	Tự học			
1 Khối kiến thức đại cương			27						
1.1 Khối kiến thức bắt buộc			27						
1	PML0031	Triết học Mác - Lênin	3	45			Kỳ 1		
2	EML0031	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30			Kỳ 2	PML0031	
3	SSO0031	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30			Kỳ 3	EML0031	
4	HTH0031	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30			Kỳ 3	SSO0031	
5	HIS0031	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30			Kỳ 4	HTH0031	
6	GRL0231	Pháp luật đại cương	2	25	10	60	Kỳ 1		
7	BE10031	Tiếng Anh cơ bản 1	3	30	30	90	Kỳ 1		
8	BE20031	Tiếng Anh cơ bản 2	3	30	30	90	Kỳ 2	SME0031	
9	BE30031	Tiếng Anh cơ bản 3	3	30	30	90	Kỳ 4	PHE0031	
10	IFT0031	Tin học căn bản	3	30	30	60	Kỳ 1		
11	SSK0031	Kỹ năng mềm	2	20	20	60	Kỳ 1		
12	PE10031	Giáo dục thể chất 1	2	20	20	60	Kỳ 1		
13	PE20031	Giáo dục thể chất 2	2	20	20	60	Kỳ 2	PE10031	
14	PE30031	Giáo dục thể chất 3	2	20	20	60	Kỳ 3	PE20031	
15	ME10031	Giáo dục quốc phòng	2	20	20	60	Kỳ 1		
2. KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH									
2.1. Kiến thức cơ sở ngành:			17						
Bắt buộc			15						
16	NNT 10	Thực hành văn bản tiếng Việt	2				Kỳ 3		
17	NNT 11	Ngôn ngữ học đối chiếu	2				Kỳ 5	NTT 18	
18	NNT 12	Đất nước học Trung Quốc	2				Kỳ 6	NNT 29	
19	NNT 13	Hướng dẫn du lịch Việt Nam	3				Kỳ 6	NNT 35	
20	NNT 14	Ngữ âm, văn tự tiếng Trung Quốc	2				Kỳ 7	NNT 24	

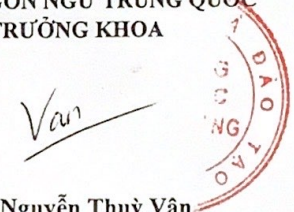
21	NNT 15	Ngữ pháp tiếng Trung Quốc	2			Kỳ 4	NNT 22	
22	NNT 16	Viết ứng dụng	2			Kỳ 7	NNT 38	
Tự chọn (1/3 học phần)			2					
23	NNT 17	HSK sơ cấp (Luyện thi HSK)	2			Kỳ 2	NNT 30	
24	NNT 18	Dẫn luận ngôn ngữ học	2			Kỳ 2		
25	NNT 19	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2			Kỳ 2		
2.2. Kiến thức ngành:			40					
Bắt buộc			40					
26	NNT 20	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	4			Kỳ 1		
27	NNT 21	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	4			Kỳ 2	NTT 20	
28	NNT 22	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 3	4			Kỳ 3	NTT 21	
29	NNT 23	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 4	4			Kỳ 4	NTT 22	
30	NNT 24	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 5	4			Kỳ 5	NTT 23	
31	NNT 25	Nghe nói tiếng Trung Quốc 1	2			Kỳ 1		
32	NNT 26	Nghe nói tiếng Trung Quốc 2	2			Kỳ 2	NTT 25	
33	NNT 27	Nghe nói tiếng Trung Quốc 3	2			Kỳ 3	NTT 26	
34	NNT 28	Nghe nói tiếng Trung Quốc 4	2			Kỳ 4	NTT 27	
35	NNT 29	Nghe nói tiếng Trung Quốc 5	2			Kỳ 5	NTT 28	
36	NNT 30	Đọc viết tiếng Trung Quốc 1	2			Kỳ 1		
37	NNT 31	Đọc viết tiếng Trung Quốc 2	2			Kỳ 2	NNT 30	
38	NNT 32	Đọc viết tiếng Trung Quốc 3	2			Kỳ 3	NNT 31	
39	NNT 33	Đọc viết tiếng Trung Quốc 4	2			Kỳ 4	NNT 32	
40	NNT 34	Đọc viết tiếng Trung Quốc 5	2			Kỳ 5	NNT 33	
2.3. Kiến thức chuyên ngành:			36					
Bắt buộc			32					
41	NNT 35	Tiếng Trung du lịch	2			Kỳ 4	NNT 27	
42	NNT 36	Tiếng Trung trong khách sạn nhà hàng	3			Kỳ 3	NTT 26	
43	NNT 37	Tiếng Trung văn phòng	3			Kỳ 5	NNT 23	
44	NNT 38	Dịch viết 1 (TH dịch Trung Việt 1)	3			Kỳ 6	NNT 34	
45	NNT 39	Dịch viết 2 (TH dịch Trung Việt 2)	3			Kỳ 7	NNT 38	
46	NNT 40	Dịch nói 1 (TH dịch Việt Trung 1)	3			Kỳ 6	NNT 29	
47	NNT 41	Dịch nói 2 (TH dịch Việt Trung 2)	3			Kỳ 7	NNT 40	
48	NNT 42	Tiếng Trung Quốc thương mại 1	3			Kỳ 6	NNT 29	
49	NNT 43	Tiếng Trung Quốc thương mại 2	3			Kỳ 7	NNT 42	
50	NNT 44	Kỹ năng biên dịch	3			Kỳ 5	NNT 33	
51	NNT 45	Kỹ năng phiên dịch	3			Kỳ 5	NNT 28	
TỰ CHỌN (4/10 TC)			4					

52	NNT 46	Biên phiên dịch tài chính ngân hàng	2				Kỳ 7	NNT 42	
53	NNT 47	Biên phiên dịch hội nghị	2				Kỳ 7	NNT 42	
54	NNT 48	Tiếng Trung trong ngành y	2				Kỳ 7	NNT 42	
55	NNT 49	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2				Kỳ 7	NNT 42	
56	NNT 50	Tiếng Trung báo chí	2				Kỳ 7	NNT 42	
2.4 THỰC TẬP, KHÓA LUẬN VÀ MÔN THAY THẾ KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP			10						
57	NNT 51	Thực tập	4				Kỳ 8	Tích lũy đủ 120 tín chỉ	
58	NNT 52	Khóa luận tốt nghiệp	6				Kỳ 8	Tích lũy đủ 124 tín chỉ	
		Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp	6						
59	NNT 53	Hợp đồng thư tín thương mại	3				Kỳ 8		
60	NNT 54	Kỹ năng thuyết trình	3				Kỳ 8		
Tổng số:			130						

DUYỆT CỦA BAN GIÁM HIỆU
 HIỆU TRƯỞNG

 PGS.TS LÊ VĂN HÙNG

KHOA NGÔN NGỮ TRUNG QUỐC
 TRƯỞNG KHOA


 TS. Nguyễn Thuỳ Vân